

Ngày thi: 10/12/2014

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15				55	100		
1	162223359	Hà Tuấn	Anh	K16XDC1	9			6.5		6			6	6.5	Sáu phần	Năm	
2	162223360	Nguyễn Tấn	Bình	K16XDC1	8			6		5.5			5.5	6.0	Sáu		
3	162223362	Trương Quang	Chiến	K16XDC1	10			6.5		6			8	7.8	Bảy phần	Tám	
4	162223365	Nguyễn Hải	Đăng	K16XDC1	9			6.5		6			7.5	7.4	Bảy phần	Bốn	
5	162223367	Phạm Anh	Đức	K16XDC1	8			7.5		7			7.5	7.5	Bảy phần	Năm	
6	162223372	Hồ Xuân	Hải	K16XDC1	8			6.5		6			6	6.4	Sáu phần	Bốn	
7	162223373	Trương Quang	Hận	K16XDC1	10			6.5		6			6.5	7.0	Bảy		
8	162223376	Lê Công Vương	Hầu	K16XDC1	8			6.5		6			6.5	6.7	Sáu phần	Bảy	
9	162223378	Hồ Trung	Hiếu	K16XDC1	9			6.5		6			7.5	7.4	Bảy phần	Bốn	
10	162223380	Phạm Trung	Hiếu	K16XDC1	8			7		6.5			6.5	6.8	Sáu phần	Tám	
11	162223388	Trương Quang	Hùng	K16XDC1	10			6.5		6			8	7.8	Bảy phần	Tám	
12	162223389	Lê Công	Hưng	K16XDC1	10			7		6.5			6.5	7.1	Bảy phần	Một	
13	162223393	Trịnh Duy	Khanh	K16XDC1	10			6.5		6			6.5	7.0	Bảy		
14	162223398	Phan Hoàng	Lộc	K16XDC1	10			6.5		6			7	7.2	Bảy phần	Hai	
15	162223400	Nguyễn Bảo	Long	K16XDC1	10			6.5		6			9	8.3	Tám phần	Ba	
16	162223402	Nguyễn Đình Minh	Nghĩa	K16XDC1	10			5		0			8.5	6.9	Sáu phần	Chín	
17	162223403	Lê Duy	Ngọc	K16XDC1	10			7.5		7			7	7.5	Bảy phần	Năm	
18	162223406	Phạm Văn	Sơn	K16XDC1	9			5		0			6.5	5.7	Năm phần	Bảy	
19	162223409	Phan Bá	Thái	K16XDC1	10			7.5		7			8.5	8.4	Tám phần	Bốn	
20	162223413	Lê Văn	Thuần	K16XDC1	9			6.5		6			7	7.1	Bảy phần	Một	
21	162223415	Nguyễn Anh	Tiến	K16XDC1	8			6.5		6			6.5	6.7	Sáu phần	Bảy	
22	162223417	Lê Văn	Trọng	K16XDC1	10			7		6.5			7.5	7.7	Bảy phần	Bảy	
23	162223419	Lê Hữu	Trường	K16XDC1	8			6.5		6			7	6.9	Sáu phần	Chín	
24	162223423	Đặng Thùy	Tuyên	K16XDC1	10			8		7.5			8	8.2	Tám phần	Hai	
25	162223425	Bùi Tấn	Việt	K16XDC1	9			6.5		6			7.5	7.4	Bảy phần	Bốn	
26	162223428	Nguyễn Thành	Vinh	K16XDC1	10			6.5		6			8	7.8	Bảy phần	Tám	
27	162223432	Trương Văn	Vũ	K16XDC1	10			6.5		6			8.5	8.1	Tám phần	Một	
28	162223433	Đặng Hoàng Duy	Vương	K16XDC1	10			6.5		6			8.5	8.1	Tám phần	Một	
29	162226432	Cao Trung	Hiếu	K16XDC1	9			7.5		7			7.5	7.7	Bảy phần	Bảy	
30	162226635	Trần Khắc	Khánh	K16XDC1	10			6		5.5			7	7.1	Bảy phần	Một	
31	162226637	Hoàng Đức	Tuấn	K16XDC1	7			6.5		6			8.5	7.6	Bảy phần	Sáu	
32	162226923	Tăng Thị Xuân	Thảo	K16XDC1	8.5			6.5		6			9	8.1	Tám phần	Một	
33	162227420	Nguyễn Đức	Tùng	K16XDC1	10			6.5		6			9	8.3	Tám phần	Ba	
34	162263676	Lê Văn	Hoàn	K16XDC1	10			6.5		6			9	8.3	Tám phần	Ba	
35	162123065	Trần Thái	Quang	K16XDC2	8.5			7.5		7			7	7.3	Bảy phần	Ba	
36	162223358	Võ Tuấn	Anh	K16XDC2	8.5			7.5		7			7.5	7.6	Bảy phần	Sáu	
37	162223361	Đinh Vũ	Chánh	K16XDC2	10			6.5		6			6.5	7.0	Bảy		
38	162223364	Nguyễn Hồ	Cường	K16XDC2	10			6.5		6			8	7.8	Bảy phần	Tám	
39	162223366	Nguyễn Thành	Đạt	K16XDC2	10			7.5		7			8.5	8.4	Tám phần	Bốn	
40	162223368	Nguyễn Đăng	Đũng	K16XDC2	9			7		6.5			8	7.8	Bảy phần	Tám	
41	162223375	Trần Hải	Hào	K16XDC2	8			7.5		7			8.5	8.1	Tám phần	Một	
42	162223377	Phan Thanh	Hiền	K16XDC2	8			7.5		7			8	7.8	Bảy phần	Tám	
43	162223381	Đặng Công	Hiếu	K16XDC2	9			7		6.5			7	7.2	Bảy phần	Hai	
44	162223382	Trần Đình	Hoàn	K16XDC2	8			7.5		7			8	7.8	Bảy phần	Tám	

Ngày thi: 10/12/2014

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15			15		15			55	100		
45	162223384	Nguyễn Trí Khánh Hoàng	K16XDC2	10			8		7.5			6	7.1	Bảy phẩy Một	
46	162223386	Nguyễn Mạnh Hùng	K16XDC2	9			8		7.5			6	7.0	Bảy	
47	162223391	Ngô Quang Hưng	K16XDC2	10			7.5		7			9	8.6	Tám phẩy Sáu	
48	162223395	Lê Đức Khôi	K16XDC2	10			6.5		6			5	6.1	Sáu phẩy Một	
49	162223396	Nguyễn Hồng Lê	K16XDC2	9			7.5		7			5	6.3	Sáu phẩy Ba	
50	162223397	Nguyễn Văn Linh	K16XDC2	10			6.5		6.5			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
51	162223399	Đỗ Hoàng Long	K16XDC2	10			7.5		7			6	7.0	Bảy	
52	162223408	Nguyễn Đình Tân	K16XDC2	8			8		7.5			7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
53	162223410	Nguyễn Văn Thành	K16XDC2	6			7.5		7			5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
54	162223412	Lê Việt Thiện	K16XDC2	9			7		6.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
55	162223416	Lê Văn Tới	K16XDC2	4			0		0			V	0.0	Không	NỢ HP
56	162223418	Quán Thành Trung	K16XDC2	10			6.5		6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
57	162223420	Trần Quý Tứ	K16XDC2	9			6.5		6			7	7.1	Bảy phẩy Một	
58	162223424	Đỗ Trung Tuyển	K16XDC2	9.5			7.5		7			8	8.0	Tám	
59	162223426	Nguyễn Quốc Việt	K16XDC2	10			6		5.5			5	6.0	Sáu	
60	162223430	Trần Anh Vũ	K16XDC2	8			6.5		6			5	5.8	Năm phẩy Tám	
61	162223431	Vương Vũ	K16XDC2	10			7.5		7			6	7.0	Bảy	
62	162226431	Nguyễn Văn Hải	K16XDC2	7			5		0			7	5.7	Năm phẩy Bảy	
63	162227086	Hoàng Như Ngọc	K16XDC2	8.5			7.5		7			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
64	162227671	Phạm Hòa Lộc	K16XDC2	9			6.5		6			7	7.1	Bảy phẩy Một	
65	142221368	Nguyễn Anh Tuấn	K16XDC2	9			7		6.5			7	7.2	Bảy phẩy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	64	98%	
2	Số sinh viên nợ	1	2%	
TỔNG CỘNG :		65	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân